

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 12 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Lê Thái Anh	1	03	8.0	Tám	
2	Trần Thị Vân Anh	2	83	7.0	Bảy	
3	Trần Thị Ngọc Anh	3	85	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Bích	4	87	7.5	Bảy rưỡi	
5	Trần Thị Bích	5	09	7.5	Bảy rưỡi	
6	Đinh Văn Bình	6	10	7.5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Thanh Bình	7	82	8.0	Tám	
8	Nguyễn Hải Chiêu	8	46	8.0	Tám	
9	Ngô Tiến Chúc	9	22	7.0	Bảy	
10	Nguyễn Viết Công	10	48	7.0	Bảy	
11	Trần Đoàn Cường	11	19	6.5	Sáu rưỡi	
12	Vũ Khắc Doanh	12	01	7.0	Bảy	
13	Tạ Việt Dũng	13	26	7.0	Bảy	
14	Bùi Quý Dương	14	06	6.5	Sáu rưỡi	
15	Đặng Thị Thùy Dương	15	04	7.0	Bảy	
16	Lê Thùy Dương	16	05	7.0	Bảy	
17	Ngô Thị Thanh Giang	17	27	7.5	Bảy rưỡi	
18	Dương Thị Đoàn	18	28	7.5	Bảy rưỡi	
19	Cù Xuân Đức	19	54	8.0	Tám	
20	Trần Lam Giang	20	57	8.0	Tám	



Handwritten signature

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
21	Nguyễn Thị Thu Hà	21	86	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Thị Hà	22	23	8.0	Tám	
23	Đông Thị Thúy Hằng	23	15	7.0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Hạnh	24	14	6.5	Sáu rưỡi	
25	Nguyễn Thị Thanh Hiền	25	92	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thu Hiền	26	68	7.5	Bảy rưỡi	
27	Trần Thị Hiền	27	89	8.0	Tám	
28	Hoàng Thị Hiền	28	77	8.0	Tám	
29	Nguyễn Văn Hiền	29	17	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thanh Hoa	30	35	7.5	Bảy rưỡi	
31	Triệu Thị Thanh Hoa	31	78	7.5	Bảy rưỡi	
32	Hà Ngọc Hòa	32	40	7.5	Bảy rưỡi	
33	Lê Thị Thanh Hòa	33	42	7.0	Bảy	
34	Lê Xuân Hồng	34	13	7.0	Bảy	
35	Hoàng Ngọc Huân	35	21	7.0	Bảy	
36	Ngô Mạnh Hùng	36	47	7.5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Đức Hùng	37	38	7.5	Bảy rưỡi	
38	Ngô Quốc Hưng	38	12	7.0	Bảy	
39	Lê Thị Việt Hương	39	72	7.5	Bảy rưỡi	
40	Lê Thị Hương	40	61	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị Hường (A)-1979	41	52	7.0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Hường (B)1974	42	44	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Hường (C)1976	43	84	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Hường (D)1985	44	76	8.0	Tám	
45	Nguyễn Trường Huy	45	30	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Xuân Khương	46	11	8.0	Tám	
47	Hoàng Thị Phong Lan	47	50	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Thị Thanh Lan	48	75	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
49	Lê Thị Lan	49	65	7.0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Hồng Liên	50	71	7.5	Bảy rưỡi	
51	Hoàng Thị Lụa	51	16	7.0	Bảy	
52	Lương Văn Luân	52	32	7.5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Thị Lý	53	91	8.0	Tám	
54	Lưu Thị Lý	54	55	7.5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Thị Mận	55	33	7.5	Bảy rưỡi	
56	Trần Thị Hồng Minh	56	93	7.5	Bảy rưỡi	
57	Phạm Thị Tuyết Minh	57	67	8.0	Tám	
58	Nguyễn Thị Tuyết Mười	58	58	7.5	Bảy rưỡi	
59	Nguyễn Huy Nam	59	73	8.0	Tám	
60	Nguyễn Thị Nga	60	88	7.0	Bảy	
61	Nguyễn Thị Phú	61	59	7.0	Bảy	
62	Trịnh Văn Quân	62	62	7.0	Bảy	
63	Triệu Hoàng Quân	63	90	8.0	Tám	
64	Đoàn Tiến Quân	64	74	7.0	Bảy	
65	Nguyễn Hữu Quảng	65	49	7.0	Bảy	
66	Dương Thị Hồng Quyên	66	45	7.5	Bảy rưỡi	
67	Mẫn Thị Quyên	67	34	8.0	Tám	
68	Nguyễn Thị Hằng Sa	68	70	7.5	Bảy rưỡi	
69	Vũ Văn Sáng	69	02	6.0	Sáu	
70	Phan Thanh Sơn	70	24	7.0	Bảy	
71	Đặng Thái Sơn	71	39	7.5	Bảy rưỡi	
72	Hoàng Thị Thắm	72	56	7.5	Bảy rưỡi	
73	Lê Minh Thắng	73	07	7.0	Bảy	
74	Nguyễn Chí Thanh	74	64	7.0	Bảy	
75	Lê Chí Thành	75	81	7.5	Bảy rưỡi	
76	Trần Thị Thao	76	80	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
77	Trần Thị Phương Thảo	77	18	7.0	Bảy	
78	Hà Kim Thiệp	78	31	7.5	Bảy rưỡi	
79	Nguyễn Thị Thoa	79	29	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	80	60	7.5	Bảy rưỡi	
81	Nguyễn Thị Thủy (A)1976	81	83	8.0	Tám	
82	Nguyễn Thị Thủy (B)-1980	82	63	7.5	Bảy rưỡi	
83	Lê Thu Thủy	83	51	7.5	Bảy rưỡi	
84	Vũ Văn Tiến	84	08	7.0	Bảy	
85	Hà Đức Tô	85	66	7.0	Bảy	
86	Đồng Thành Trình	86	20	7.0	Bảy	
87	Lại Xuân Trường	87	25	7.0	Bảy	
88	Phan Anh Tuấn	88	41	7.5	Bảy rưỡi	
89	Lường Công Tuấn	89	36	7.0	Bảy	
90	Trần Văn Tùng	90	43	8.0	Tám	
91	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	91	79	7.5	Bảy rưỡi	
92	Trịnh Hoàng Vân	92	69	7.5	Bảy rưỡi	
93	Đỗ Thị Viện	93	37	7.0	Bảy	

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDD
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



Hồ Bích Ngọc

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên